

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2018/HNGĐ-PT**  
Ngày 26 tháng 6 năm 2018

V/v chia tài sản chung của vợ chồng  
trong thời kỳ hôn nhân...

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Điền

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Phước Thanh  
Ông Lê Tự

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc “Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04A/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Bùi Thanh S**, sinh năm 1964

Địa chỉ cư trú: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Yên H, Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai.

**2. Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim H** (Tên gọi khác: Nguyễn Thị H), sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đoàn Ngọc T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Cao Y, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017).

3.2. Cụ Nguyễn Thị Ngọc C;

3.3. Chị Bùi Thị Thanh A

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị Thanh A:* Cụ Nguyễn Thị Ngọc C (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2016);

3.4. Anh Bùi Đồng T;

3.5. Anh Bùi Trọng P;

3.6. Chị Bùi Thị Thu T, sinh ngày 20/10/2002

Cùng cư trú tại: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

*Người đại diện hợp pháp cho chị Thảo:* Anh Bùi Thanh S và chị Nguyễn Thị Kim H (Là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án).

3.7. Bà Trần Thị G

Cư trú tại: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

3.8. Bà Vũ Thị L

Cư trú tại: xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

3.9. Bà Huỳnh Thị Bích S;

3.10. Bà Võ Thị Kim Y

Cùng cư trú tại: xã D, huyện T, tỉnh Kon Tum.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà Vũ Thị L, Huỳnh Thị Bích S và Võ Thị Kim Y:* Ông Đinh Văn H, Luật sư của Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum.

*4. Những người làm chứng:*

4.1. Bà Nguyễn Thị L; 4.2. Bà Nguyễn Thị Xuân Đ; 4.3. Ông A N

Cùng cư trú tại: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

**5. Người kháng cáo:** Ông Bùi Thanh S (Là nguyên đơn trong vụ án)

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Ông S, bà H, bà L, bà S, bà Y có mặt; đại diện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum là ông Thái Văn T có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2015, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 19/10/2015 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Bùi Thanh S trình bày:

Năm 1993, cụ Bùi S1 và cụ Nguyễn Thị Ngọc C (là cha mẹ đẻ của Ông S) cho riêng Ông S thừa đất số 13, tờ bản đồ số 32 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum có tổng diện tích trên giấy tờ là 1.991 m<sup>2</sup> nhưng hiện còn lại diện tích 135 m<sup>2</sup> (sau khi đã trừ phần diện tích đã chuyển nhượng và thu hồi do mở rộng đường Hồ Chí Minh). Vợ chồng Ông S bà H (kết hôn năm 1988) đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất này và thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất ngày 14/11/2001. Do vợ Ông S là bà Nguyễn Thị Kim H có nợ một số người số tiền hơn 1 tỷ đồng, hiện đang phải thi hành án nên Ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận thửa đất nêu trên là của riêng Ông S, vì ông được cha mẹ tặng cho riêng năm 1993;

- Ngôi nhà cấp 4 và các công trình gắn liền với nhà được Hội đồng định giá xác định giá trị còn lại là 180.710.416 đồng, Ông S thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Ông S cho rằng ông có công sức nhiều hơn nên đề nghị chia giá trị tài sản này với tỷ lệ 2/3 cho ông và tỷ lệ 1/3 cho bà H.

2. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông S về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên là tài sản riêng của Ông S. Đối với ngôi nhà cấp 4 và các công trình gắn liền với nhà trên đất, trị giá còn lại 180.710.416 đồng, bà thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nhưng vì Ông S có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản này nên bà đồng ý chia giá trị còn lại của tài sản này như yêu cầu của Ông S.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là cụ Nguyễn Thị Ngọc C, chị Bùi Thị Thanh A và anh Bùi Đồng T trình bày:

Yêu cầu Ông S, bà H phải trả cho cụ C 30.000.000 đồng, trả cho chị A 20.000.000 đồng, trả cho anh T 20.000.000 đồng là số tiền những người này đã góp vào làm nhà. Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, bà C, chị A và anh T đã rút yêu cầu này; chị A, anh T đồng ý quyền sử dụng đất nói trên là tài sản riêng của Ông S và yêu cầu chia ngôi nhà trên đất theo quy định của pháp luật.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là các bà Trần Thị G, Vũ Thị L, Huỳnh Thị Bích S và Võ Thị Kim Y trình bày:

Theo Quyết định thi hành án theo đơn số 37/QĐ-CTHA ngày 02/5/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum thì bà H phải trả cho bà L số tiền 700.000.000 đồng. Theo Quyết định Thi hành án dân sự theo đơn số 44 ngày 16/10/2012 của Chi cục THADS huyện Đ thì bà H phải trả cho bà Ghi số tiền 46.000.000 đồng. Theo Quyết định Thi hành án dân sự theo đơn số 52 ngày 22/10/2012 của Chi cục THADS huyện Đ thì bà H phải trả cho bà Kim Y số tiền 208.031.000 đồng. Theo Quyết định Thi hành án dân sự theo đơn số 66 ngày 02/11/2012 của Chi cục THADS huyện Đ thì bà H phải trả cho bà S số tiền 86.000.000 đồng.

Do đó, các bà: G, L, S và Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh S; yêu cầu Tòa án hủy GCNQSD đất số vào sổ 01324/QSDĐ/ QĐ-UB ngay 14/11/2001 do UBND huyện Đ cấp cho hộ gia đình Ông S đã bị sửa chữa thành tên cá nhân ông Bùi Thanh S; xác định thừa đất hiện vợ chồng Ông S bà H đang sử dụng là tài sản chung của vợ chồng Ông S bà H và chia diện tích còn lại (sau khi đã chuyển nhượng và diện tích thu hồi do mở rộng đường Hồ Chí Minh) là 135 m<sup>2</sup> đất ở để bà H thực hiện nghĩa vụ thi hành án trả nợ cho các bà. Về căn nhà và công trình gắn liền với nhà trên đất, các bà yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

*5. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh Kon Tum có ý kiến:*

Thửa đất do Ông S khởi kiện chỉ được UBND huyện cấp 01 GCNQSD đất đứng tên hộ ông Bùi Thanh S. Vào khoảng năm 2009-2010, Ông S có yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý biến động từ “hộ ông Bùi Thanh S” thành “ông Bùi Thanh S” để phục vụ việc vay vốn Ngân hàng. Do yêu cầu của công dân và để tạo điều kiện cho công dân được vay vốn Ngân hàng phục vụ sản xuất kinh doanh, phòng Tài nguyên và Môi trường căn cứ yêu cầu của Ông S để chỉnh lý biến động nội dung trên GCNQSD đất từ “hộ ông Bùi Thanh S” thành “ông Bùi Thanh S”. Hồ sơ chỉnh lý biến động và việc chỉnh lý biến động trên GCNQSD đất nêu trên chưa tuân thủ đúng quy trình và chưa được cập nhật vào sổ theo dõi biến động tại cơ quan Đăng ký quyền sử dụng đất huyện và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện chưa tìm thấy hồ sơ.

*6. Người đại diện hợp pháp của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum là ông Thái Văn T trình bày:*

Thi hành các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đã ra Quyết định thi hành án đối với đơn yêu cầu của các bà Vũ Thị L, Trần Thị G, Huỳnh Thị Bích S và Võ Thị Kim Y. Nhưng do có đơn khiếu nại nên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum đã rút hồ sơ lên giải quyết, việc thi hành án của các đương sự này có liên quan đến tài sản của vợ chồng ông Bùi Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H trong vụ án này nên Cục Thi

hành án dân sự tỉnh Kon Tum chờ kết quả xét xử của Tòa án khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ tiếp tục thi hành.

*7. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:*

(1) Căn cứ vào Khoản 2 Điều 28, Điều 34, Điều 201, Điều 202, điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 101, Điều 506, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của cụ Nguyễn Thị Ngọc C, chị Nguyễn Thị Thanh An và anh Bùi Đồng T.

(2) Áp dụng Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh S;

Không công nhận quyền sử dụng lô đất thửa số 13, tờ bản đồ số 32 có diện tích 1.991 m<sup>2</sup> tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (hiện nay, diện tích còn lại là 135 m<sup>2</sup> đất thổ cư) là tài sản riêng của ông Bùi Thanh S (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01324/QSĐĐ/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/11/2001 cho hộ ông Bùi Thanh S).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh S về việc chia ngôi nhà cấp 4 và các công trình gắn liền với ngôi nhà trên đất có tranh chấp trong vụ án. Tổng giá trị ngôi nhà và các công trình gắn liền với ngôi nhà là 180.710.416 đồng.

Chia cho ông Bùi Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H mỗi người được nhận ½ giá trị ngôi nhà và các công trình gắn liền với ngôi nhà, tương ứng với số tiền 90.355.208 đồng;

(3) Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Trần Thị G, Vũ Thị L, Huỳnh Thị Bích S và Võ Thị Kim Y.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01324/QSĐĐ/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/11/2001 cho hộ ông Bùi Thanh S đã bị tẩy xóa, sửa chữa thành cấp cho “ông Bùi Thanh S” có đóng dấu của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Kon Tum tại vị trí bị tẩy xóa, sửa chữa.

Ngoài ra, tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum còn tuyên về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm; giải thích về thủ tục thi hành án dân sự, nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

8. Ngày 30/9/2017, nguyên đơn là ông Bùi Thanh S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại với lý do:

- Tòa án sơ thẩm giải quyết không triệt để các yêu cầu khởi kiện: Chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân về thửa đất và căn nhà trên đất.

- Tòa án sơ thẩm chia cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị ngôi nhà tương ứng với số tiền 90.355.208 đồng, nhưng không xác định ai phải trả số tiền này, ai là người được quyền sử dụng nhà đất.

- Tòa án sơ thẩm tuyên hủy GCNQSD đất, nhưng không yêu cầu UBND thu hồi, cấp lại GCNQSD đất mới; không xác định được thửa đất là của riêng Ông S, của bà H hay là của hộ gia đình.

9. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Bùi Thanh S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Luật sư Đinh Thị Yên H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Thanh S đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm vì lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết triệt để yêu cầu của đương sự về việc chia tài sản chung của vợ chồng là giá trị ngôi nhà, nhưng không giao cho ai được quyền quản lý, sử dụng và ai là người có nghĩa vụ thanh toán tiền giá trị tài sản được chia; khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến công sức thực tế của Ông S nhiều hơn và sự thống nhất của nguyên đơn, bị đơn để chia giá trị tài sản chung của vợ chồng cho Ông S được hưởng theo tỷ lệ  $\frac{2}{3}$ , bà H được hưởng theo tỷ lệ  $\frac{1}{3}$  là thiếu khách quan, không đúng pháp luật.

- Luật sư Đinh Văn H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, bà S và bà Y trình bày: Theo đơn khởi kiện của ông Bùi Thanh S và quá trình tố tụng tại Tòa án, Ông S không yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất mà chỉ yêu cầu công nhận thửa đất hiện vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng là của riêng Ông S do được cha mẹ Ông S cho riêng năm 1993. Tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm, Ông S mới có yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của Ông S. Về việc chia giá trị căn nhà là tài sản chung của vợ chồng Ông S đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đúng pháp luật. Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy GCNQSD đất, căn cứ Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc cấp lại hoặc đính chính, xóa phần sửa chữa trên GCNQSD đất thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thi hành bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Thanh S và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Ông Thái Văn T là người đại diện hợp pháp của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum trình bày: Bản án sơ thẩm chưa tuyên giao quyền sử dụng thửa đất của vợ chồng cho ai; trong khi lại tuyên chia giá trị căn nhà trên đất nhưng cũng không quyết định giao cho ai là người được quyền sở hữu nhà, ai phải thanh toán số tiền chia tài sản nên khả năng thi hành theo quyết định của Bản án sơ thẩm là rất khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và bảo đảm việc thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu do Ông S giao nộp và ý kiến của những người làm chứng thì không có đủ căn cứ chứng minh thửa đất hiện vợ chồng Ông S bà H đang quản lý, sử dụng là của riêng Ông S mà là tài sản chung của vợ chồng Ông S bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất này của riêng Ông S là đúng pháp luật. Đối với việc chia tài sản là căn nhà, Tòa án đã quyết định chia cho Ông S bà H mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà là có căn cứ; tuy nhiên lại không giao cụ thể ai là người được quyền sử dụng căn nhà và ai là người có nghĩa vụ thanh toán số tiền được chia là thiếu sót và không thể thi hành án được. Đối với việc hủy GCNQSD đất, xét thấy việc sửa chữa GCNQSD đất từ “cấp cho hộ ông Bùi Thanh S” thành “cấp cho ông Bùi Thanh S” đã được UBND huyện Đ xác định chưa tuân thủ đúng quy trình và là hành vi vượt quá thẩm quyền của người thi hành công vụ. Trường hợp này chỉ cần hủy phần đã chỉnh lý, thay đổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy toàn bộ GCNQSD đất là không đúng pháp luật. Những sai sót nêu trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết, xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Bùi Thanh S khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, gồm có việc công nhận quyền sử dụng thửa đất là của riêng Ông S và chia tài sản là căn nhà, công trình phụ trên đất; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Trần Thị G, Vũ Thị L, Huỳnh Thị Bích S và Võ Thị Kim Y có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án hủy GCNQSD đất cấp cho Ông S và xác định thửa đất là tài sản chung của vợ chồng Ông S, bà H để chia cho bà H có tiền trả nợ cho các bà theo quyết định thi hành án dân sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý vụ án: *“Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”* là chưa đầy đủ, bỏ sót yêu cầu của đương sự. Trường hợp này Tòa án cần phải thụ lý vụ án: *“Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”* theo quy định tại khoản 2 Điều 28, khoản 9 Điều 27 và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự mới có căn cứ xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử; xác định tư cách những người tham gia tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và việc áp dụng pháp luật để giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[1.2] Xét yêu cầu của các đương sự trong vụ án này bao gồm các nội dung như đã nêu tại mục [1.1] thì thấy: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum không có quyền lợi, nghĩa vụ nào liên quan đến vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm đưa Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum vào tham gia tố tụng trong vụ án là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp này Tòa án cần triệu tập Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum tham gia tố tụng với tư cách là “Người làm chứng” để cung cấp các chứng cứ chứng minh cho việc các bà Trần Thị G, Vũ Thị L, Huỳnh Thị Bích S và Võ Thị Kim Y có quyền khởi kiện yêu cầu độc lập hủy GCNQSD đất cấp cho Ông S và xác định thửa đất là tài sản chung của vợ chồng Ông S, bà H để chia cho bà H có tiền trả nợ cho các bà theo quyết định thi hành án dân sự.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Trên cơ sở đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị L, bà Trần Thị G, bà Huỳnh Thị Bích S, bà Võ Thị Kim Y ngày 22/9/2016 và bị đơn ông Bùi Thanh S ngày 17/10/2016. Ngày 11/01/2017, Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành định giá tài sản gồm: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 32, nay theo GCNQSD đất là 567,14 m<sup>2</sup> (trong đó có 230 m<sup>2</sup> đất ở và 337,14 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) và tài sản trên đất. Tại biên bản định giá thể hiện Ông S không nhất trí với kết quả định giá này.

Ngày 05/5/2017, ông Bùi Thanh S có đơn “Đơn yêu cầu xem xét thực tế và định giá tài sản lại” (BL.448), Ông S có đề nghị: “xem xét thực tế và định giá lại tài sản là giá trị thửa đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 924947, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 32, diện tích 567,14 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum...”. Tuy nhiên, tại “Biên bản định giá tài sản” ngày 29/6/2017 (BL.488,489), Hội đồng định giá chỉ tiến hành định giá lại căn nhà và các công trình xây dựng trên đất theo yêu cầu của Ông S mà không yêu cầu Ông S trình bày rõ có định giá lại giá trị quyền sử dụng đất hay không để làm căn cứ giải quyết vụ án là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Ông S và những người tham gia tố tụng đều thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2016 và Biên bản định giá tài sản ngày 11/01/2017; không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.2] Khi xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quyền sử dụng diện tích đất còn lại 135 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 32 mà Ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định của riêng Ông S là tài sản chung của vợ chồng Ông S bà H và đã tuyên không công nhận quyền sử dụng diện tích đất này là tài riêng của ông Bùi Thanh S; đồng thời đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của các bà Trần Thị G, Vũ Thị L, Huỳnh Thị Bích S, Võ Thị Kim Y nhưng lại không chia giá trị quyền sử dụng đất theo yêu cầu của các đương sự. Đối với giá trị tài sản là căn nhà và các công trình kiến trúc trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho Ông S và bà H mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản tương ứng với số tiền 90.355.208 đồng nhưng không xác định rõ ai là người được quyền sử dụng căn nhà và ai là người có nghĩa vụ phải trả số tiền này là giải quyết không đầy đủ, cụ thể các yêu cầu của các đương sự trong vụ án và bản án đã tuyên không thể thi hành được khi có yêu cầu của đương sự. Đối với GCNQSD đất số vào sổ 01324/QSĐĐ/QĐ-UB của UBND huyện Đ cấp ngày 14/11/2001 cho “hộ ông Bùi Thanh S” đã được xác định là bị sửa chữa thành cấp cho “ông Bùi Thanh S” trái pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hủy GCNQSD đất này là đúng pháp luật; tuy nhiên lại không yêu cầu UBND có thẩm quyền thu hồi, cấp lại GCNQSD đất là không đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính.

**[3] Trên cơ sở các phân tích nêu trên và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:** Khi giải quyết, xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp; chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và chưa xem xét và giải quyết đầy đủ, toàn diện các vấn đề của vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Thanh S, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử lại vụ án để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

**[4] Về án phí:** Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**1. Hủy** Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử vụ án “Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” giữa nguyên đơn là ông Bùi Thanh S, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim H; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

**2.** Trả lại cho ông Bùi Thanh S số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0000498 ngày 11/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/6/2018.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Xuân Điền**